

Họ và tên:

Lớp:

Toán 3 – Bài 42: Ôn tập biểu thức số.

Bài 1. Tính các phép tính sau.

a) $(385 + 353) : 2 = \dots \dots \dots$

b) $15 \times (49 - 40) = \dots \dots \dots$

c) $440 : (69 - 67) = \dots \dots \dots$

d) $(79 + 6) \times 4 = \dots \dots \dots$

Bài 2. Tính các phép tính sau.

a) $217 - 17 + 34 = \dots \dots \dots$

b) $230 + 40 + 492 = \dots \dots \dots$

c) $20 + 856 - 517 = \dots \dots \dots$

d) $985 - 959 - 8 = \dots \dots \dots$

Bài 3. Nhóm các thừa số rồi tính bằng cách thuận tiện.

a) $4 \times 25 \times 8 = \dots \dots \dots$ b) $3 \times 10 \times 8 = \dots \dots \dots$ c) $4 \times 5 \times 30 = \dots \dots \dots$ d) $6 \times 5 \times 20 = \dots \dots \dots$

Bài 4. Thêm đúng một cặp dấu ngoặc để mỗi biểu thức có giá trị đã cho. Điền lại toàn bộ biểu thức sau khi thêm ngoặc vào chỗ trống.

a) $738 : 9 - 3 = 123$

.....

b) $654 : 3 + 3 = 109$

.....

c) $41 + 11 \times 2 = 104$

.....

d) $99 \times 7 - 5 = 198$

.....

Bài 5. Điền dấu phép tính thích hợp vào ô trống để mỗi đẳng thức đúng.

a) $880 \dots 4 \times 17 = 812$

b) $1 \dots 2 \times 3 = 7$

c) $74 \dots 2 + 30 = 67$

d) $106 \dots 2 + 11 = 223$

Bài 6. Điền dấu phép tính thích hợp vào ô trống để mỗi đẳng thức đúng.

a) $24 \dots 6 + 3 = 7$

b) $478 \dots 2 \times 134 = 210$

c) $1 \dots 3 \times 107 = 322$

d) $2 \dots 9 + 5 = 23$

Bài 7. Tính các phép tính sau.

a) $234 : 6 \times 4 = \dots \dots \dots$ b) $105 \times 2 : 6 = \dots \dots \dots$ c) $8 \times 7 \times 6 = \dots \dots \dots$ d) $420 : 6 : 7 = \dots \dots \dots$

Bài 8. Điền số thích hợp vào ô trống để mỗi đẳng thức đúng.

a) $25 + \dots \dots \times 2 = 99$

b) $1 \times 5 - \dots \dots = 2$

c) $805 : \dots \dots + 104 = 219$

d) $\dots \dots - 90 : 2 = 92$

Bài 9. Nói mỗi biểu thức với tình huống thực tế mà biểu thức đó biểu thị.

$60 + 50$

Có 30 lít nước được chia đều vào 5 thùng.

$69 - 29$

Có 6 hộp, mỗi hộp chứa 23 quả bóng.

23×6

Quầy hàng có 60 chai nước, sau đó nhận thêm 50 chai nước.

$30 : 5$

Kho hàng có 69 chiếc cốc, sau đó chuyển đi 29 chiếc cốc.

Bài 10. Cửa hàng văn phòng phẩm có 314 quyển vở, sau đó nhập thêm 57 quyển vở. Cửa hàng văn phòng phẩm bán 155 quyển vở. Hãy lập một biểu thức rồi tính số quyển vở cửa hàng văn phòng phẩm còn lại.

Bài giải

Bài 11. Bình lớn có 909 ml nước. Người ta dùng hết 599 ml nước, rồi rót đều lượng còn lại vào 5 chai. Viết một biểu thức biểu thị lượng nước trong mỗi chai và tính số lượng nước trong mỗi chai.

Bài giải

Bài 12. Can thứ nhất chứa 27 lít nước. Can thứ hai chứa lượng nước gấp 3 lần can thứ nhất. Cả hai can chứa tất cả bao nhiêu lít nước?

Bài giải

Bài 13. Gian hàng thứ nhất có 181 quyển vở. Gian hàng thứ hai có ít hơn gian hàng thứ nhất 16 quyển vở. Hai gian hàng có tất cả bao nhiêu quyển vở?
(Trình bày đầy đủ hai bước giải và đáp số.)

Bài giải

---HẾT---